

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07-3-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trương Mai Phương

Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Nhà số 9/15 ngõ T, tổ dân phố 8, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm: 1971.

Nơi cư trú: Nhà số 9/15 ngõ T, tổ dân phố 8, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn H có quá trình tìm hiểu nhau tự nguyện và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2002 tại UBND xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn ban đầu. Phần lớn thời gian về sau và cho đến tận bây giờ giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc xung đột, cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là vợ chồng là

sự khác biệt về tính cách, lối sống, quan điểm về các vấn đề diễn ra trong đời sống thường ngày của vợ chồng. Tình trạng vợ chồng căng thẳng dẫn đến mặc dù sống chung dưới một mái nhà nhưng vợ chồng đã không ngủ chung, sinh hoạt chung trong nhiều năm nay. Vì thương con và cũng muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà Lan đã cố gắng khắc phục, tìm cách chia sẻ, nhường nhịn để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả tích cực. Nhận thấy tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau nên bà Lan có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Tiến Thành, sinh ngày 22/7/2002 và cháu Nguyễn Trần Nhật Minh, sinh ngày: 30/8/2012. Hiện tại, cháu Thành đã thành niên, bà không có yêu cầu xem xét về phân chia người nuôi dưỡng. Sau ly hôn bà Lan có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh và yêu cầu ông Học đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại Bản tự khai ngày 11/02/2025 và Biên bản hòa giải ngày 17/02/2025 bị đơn ông Nguyễn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình kết hôn, sống chung của vợ chồng như bà Lan trình bày là đúng thực tế. Cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã về một số vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, nguyên nhân là giữa vợ chồng không cùng ý kiến, không cùng quan điểm. Tuy nhiên, theo ông Học thì tình trạng xung đột, căng thẳng giữa vợ chồng như hiện nay vẫn có thể khắc phục được, chưa đến mức phải ly hôn. Ông Học mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái học hành trưởng thành.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà Lan trình bày. Trường hợp phải ly hôn, ông Học đồng ý giao cháu Nguyễn Trần Nhật Minh cho bà Lan trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

** Về tài sản chung:* Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày ngày 13/02/2025 gửi cho Tòa án, cháu Nguyễn Trần Nhật Minh, con chung của bà Lan và ông Học có ý kiến như sau: *“Nếu ba mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ”*.

Tại phiên tòa:

Nguyện đơn bà Trần Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn ông Nguyễn H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Nguyễn H có nơi cư trú tại phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn H vắng mặt. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có lời khai đầy đủ về các nội dung cần xem xét giải quyết trong vụ án và có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt mình. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét bà Trần Thị L và ông Nguyễn H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên đây được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra quá trình chung sống cả hai người phải có sự thương yêu, giúp đỡ, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ mọi khó khăn, thuận lợi trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc, thuận hòa. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng của bà Lan, ông Học chỉ hòa thuận, êm ấm được thời gian ngắn ba đầu, phần lớn thời gian sống chung của vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và những mâu thuẫn này lâu ngày không đường hóa giải, khắc phục dần làm cho đời sống vợ chồng căng thẳng, lạnh nhạt. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự sẻ chia, gánh vác trách nhiệm cùng nhau, thiếu sự tin tưởng và tôn trọng nhau nên dẫn đến tình trạng xung đột, cãi vã giữa vợ chồng diễn ra ngày một nhiều hơn. Hiện tại vợ chồng đã không ngủ chung, không sinh hoạt chung, giữa hai người thiếu sự quan tâm, chia sẻ, động viên nhau nên tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình ngày không có sự gắn kết, cải thiện. Ông Học trình bày có mong muốn gia đình được đoàn tụ nhưng từ khi bà Lan nộp đơn khởi kiện đến nay ông vẫn không có biện pháp gì làm thay đổi tình trạng căng thẳng giữa vợ chồng, không có sự chia sẻ, chung sức, chung lòng cùng với vợ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Lan và ông Học hiện nay là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lan, xử cho bà Lan được ly hôn ông Học là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung:

Bà Trần Thị L và ông Nguyễn H thống nhất xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Tiến Thành, sinh ngày 22/7/2002 và cháu Nguyễn Trần Nhật Minh, sinh ngày: 30/8/2012. Căn cứ thực tế việc nuôi dưỡng con chung như hiện tại của vợ chồng ông Học, bà Lan; trên cơ sở xem xét đến nguyện vọng của cháu Nguyễn Trần Nhật Minh, ý kiến trình bày của cả bà Lan và ông Học về phân chia người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Lan về con chung để giao cháu Nguyễn Trần Nhật Minh cho bà Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Học có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn với mức là 5.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu Nguyễn Trần Nhật Minh thành niên.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn H thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn, ông Nguyễn H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Nguyễn H.

1.2. *Về con chung:* Bà Trần Thị Lan và ông Nguyễn H thống nhất xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung, gồm: cháu Nguyễn Tiến Thành, sinh ngày 22/7/2002 và cháu Nguyễn Trần Nhật Minh, sinh ngày: 30/8/2012.

Sau khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Trần Nhật Minh cho bà Trần Thị L trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Nguyễn H có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.0000 đồng (Năm triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi cháu Nguyễn Trần Nhật Minh thành niên.

Không ai có quyền cản trở người không trực tiếp nuôi dưỡng thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc con chung; trong trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng đối với con chung.

1.3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lan đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001555 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, xác định bà Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Hạnh